

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2019/HC-PT
Ngày 16/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 50/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2019, do có kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8431/2019/QĐPT ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Vàng Văn H và bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Tổ dân phố Na C, thị trấn Bắc H1, huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Xuân D; địa chỉ: Số 142 đường Trần Đăng N, phường Cốc L, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai. Có mặt

*** Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào C; địa chỉ: Khối II, Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam C1, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc H2- Phó Chủ tịch; Vắng mặt

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai; địa chỉ: Đường 20-9, thị trấn Bắc H1, huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H3- Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vàng Văn Ch và bà Vàng Thị V, địa chỉ: Tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1, huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Người khởi kiện ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th và Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện ông Bùi Xuân D trình bày:

Gia đình ông H, bà Th đang trực tiếp quản lý sử dụng hợp pháp mảnh nương có diện tích 1.585,0m² trên núi 3 mẹ con tại thôn Nậm Ch1, xã Tà Ch2, huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai. Nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ là ông Vàng Văn L1 và bà Lý Thị H4 khai hoang canh tác từ năm 1979, đến năm 1989 thì cho ông H bà Th tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay. Năm 2015, nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của ông H bà Th để thực hiện dự án làm đường du lịch nhưng không bồi thường cho ông H bà Th mà lại bồi thường cho hộ ông Ch, bà V (Trú tại: Tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1, huyện Bắc H1, tỉnh Lào Cai). Ông H bà Th đã khiếu nại đến UBND huyện Bắc H1, UBND tỉnh Lào C nhưng vẫn không được bồi thường đất và tài sản trên đất mà nhà nước đã thu hồi.

Gia đình ông H bà Th quản lý, sử dụng đất liên tục từ năm 1979 đến nay, theo Điều 247 Bộ luật Dân sự 2005 thì người chiếm hữu, người được lợi về tài sản là bất động sản công khai liên tục trong 30 năm thì trở thành chủ sở hữu của tài sản đó. Theo Điều 228 Bộ luật Dân sự 2015 nếu bất động sản vô chủ thì người phát hiện phải thông báo cho công an hoặc UBND xã, sau 05 năm không có ai nhận thì tài sản thuộc nhà nước. Theo Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015 quy định người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với bất động sản liên tục trong 30 năm thì trở thành chủ sở hữu tài sản. Ngoài ra theo các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự 2015 quy định pháp luật bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng tài sản của chủ sở hữu, không ai có thể bị tước đoạt, sở hữu tài sản trái pháp luật. Trừ trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản cho tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu theo giá thị trường. Khi bị tước đoạt trái pháp luật có quyền khởi kiện đòi lại người đang quản lý không có căn cứ pháp luật. Mặt khác tại các điều 237, 238, 239, 240, 241, 243, 244 Bộ luật Dân sự 2015 thì khối tài sản trên do bố mẹ ông H bà Th khai hoang, sử dụng từ năm 1979 đến năm 1989 thì cho ông H bà Th sử dụng cho đến nay, chưa bán hoặc

tặng cho ai nên chưa thể chấm dứt được quyền sở hữu tài sản là diện tích đất và cây cối trên đất.

Theo quy định tại Điều 32 Luật Đất đai 2003 và Điều 53 Luật Đất đai 2013 thì nhà nước chỉ giao đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư. Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai chỉ được thực hiện căn cứ vào Điều 64 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên gia đình ông H bà Th quản lý, sử dụng đất liên tục từ năm 1979 đến nay, chưa có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào ra quyết định thu hồi, bồi thường nên không thể thực hiện giao đất hoặc bồi thường đất của gia đình ông H bà Th cho người khác vì đây là tài sản hợp pháp của ông H bà Th.

Ngoài ra, Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 giải quyết không đúng nội dung đề nghị giải quyết của ông H, bà Th là đề nghị giải quyết bồi thường đất và tài sản trên đất. Quyết định ra sai thẩm quyền vì tranh chấp đất có tài sản gắn liền trên đất thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân. Theo đó, Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào C về việc giải quyết khiếu nại của ông H và bà Th, trong đó công nhận và giữ nguyên Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 cũng không có căn cứ.

Vì vậy, ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1/ Hủy Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào C về việc giải quyết khiếu nại của ông H và bà Th.

2/ Hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H trú tại tổ dân phố Na C, thị trấn Bắc H1 với hộ ông Ch trú tại tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1.

3/ Hủy một phần Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc H1.

4/ Buộc UBND huyện Bắc H1 phải thực hiện hành vi hành chính kê khai, giải phóng mặt bằng ra Quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích đất liên quan đến phần đất của bà Th và ông H theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 và UBND huyện Bắc H1 trình bày:

Đối với việc ông H và bà Th yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc H1 về việc thu hồi đất sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội lợi ích quốc gia, công cộng để thực hiện công trình: Đường du lịch Hoàng Thu Phố - Nhiều San - Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Hạng mục: Đường leo núi 3 mẹ con: Quyết định này được UBND

huyện Bắc H1 thực hiện đúng trình tự, đầy đủ thủ tục và đúng thẩm quyền. Do vậy việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc H1 của hộ gia đình ông Hành và bà Th là không có căn cứ.

Ngoài ra việc khởi kiện của ông H và bà Th yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 là không có cơ sở với lý do đã hết thời hạn giải quyết khiếu kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với việc khởi kiện của ông H và bà Th yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1: Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà đã tiến hành giải quyết việc tranh chấp đất đai, ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp giữa hộ ông H trú tại tổ dân phố Na C, thị trấn Bắc H1 với hộ ông Ch trú tại tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1 đúng trình tự, đầy đủ thủ tục và đúng thẩm quyền quy định tại Điều 202, 203 của Luật đất đai năm 2013. Đến ngày 30/10/2017 UBND tỉnh Lào Cai đã xem xét lại quy trình giải quyết của UBND huyện Bắc Hà và ban hành Quyết định số 4731/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hành và bà Th với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc Hà về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch. Do vậy việc khởi kiện của ông H và bà Th yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 là không cơ sở.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện Bắc H1 thực hiện hành vi kê khai, giải phóng mặt bằng, ra Quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ cho ông H và bà Th: Do Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch và Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà được thực hiện đúng trình tự, đầy đủ thủ tục và đúng thẩm quyền. Vì vậy, yêu cầu của ông H và bà Th là không có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền, Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lào C trình bày:

Tranh chấp đất đai giữa hộ ông H trú tại tổ dân phố Na Cồ, thị trấn Bắc H1 với hộ ông Ch trú tại tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1 phát sinh từ năm 2015 sau khi UBND huyện Bắc H1 thực hiện thu hồi đất của một số hộ dân trong đó có hộ ông Ch để thực hiện dự án đường du lịch leo núi 3 mẹ con thuộc xã Tà Ch2, huyện Bắc H1. Việc tranh chấp đất đai được UBND xã Tà Ch2 thực hiện hòa giải ở cơ sở theo quy định nhưng không thành, vì vậy vụ việc đã được Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013.

Kết quả giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 đã ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H và bà Th với hộ ông Ch, theo đó công nhận thửa đất số 54,

tờ bản đồ số 18, diện tích 1.585m² thuộc xã Tà Ch2, loại đất trồng cây hàng năm thuộc về hộ ông Ch là chủ sử dụng đất hợp pháp.

Ông H và bà Th không nhất trí với Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 và gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lào C giải quyết. Trong đơn khiếu nại ông H bà Th cho rằng việc công nhận thửa đất tranh chấp số 54, tờ bản đồ số 18, thuộc xã Tà Ch2 cho hộ ông Ch là người chủ sử dụng hợp pháp là không đúng mà thửa đất trên phải thuộc gia đình ông H, bà Th.

Chủ tịch UBND tỉnh Lào C đã thụ lý đơn khiếu nại của ông H, bà Th đồng thời giao nhiệm vụ xác minh đơn thư cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào C và tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết khiếu nại theo quy định. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại như sau:

* Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1: Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 khi hòa giải tranh chấp tại cấp xã không thành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai 2013.

UBND huyện Bắc H1 ban hành Quyết định số 52a/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về việc thụ lý đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai và giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra, xác minh báo cáo đề xuất cho UBND huyện để giải quyết tranh chấp đất đai.

Cơ quan tài nguyên và môi trường huyện đã thu thập thông tin hồ sơ tài liệu, phối hợp với UBND xã Tà Ch2 và UBND thị trấn Bắc H1 tổ chức lấy ý kiến khu dân cư, kiểm tra xác minh các thông tin tài liệu thu thập được liên quan đến tranh chấp giữa 2 hộ, có báo cáo bằng văn bản số 26/BC-TNMT ngày 23/4/2017 đồng thời kiến nghị đề xuất UBND huyện Bắc H1 giải quyết tranh chấp. Căn cứ báo cáo đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 ra Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với ông Ch theo quy định đề 2 bên tranh chấp biết để thực hiện.

* Căn cứ, cơ sở để giải quyết tranh chấp đất của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 như sau:

- Về căn cứ: Điều 12, Điều 64 Luật đất đai 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013.

- Về cơ sở:

Thứ nhất: Theo hồ sơ địa chính ông Ch có tên trong sổ mục kê của bản đồ địa chính được xác lập năm 2010 ở địa phương là chủ sử dụng đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.585m² thuộc xã Tà Ch2, mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác. Đây là căn cứ pháp lý được pháp luật thừa nhận trong việc xác định ông Ch là người sử dụng đất ổn định đối với thửa đất đang tranh chấp theo quy định tại khoản 1, điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Thứ hai: Kết quả lấy ý kiến khu dân cư đối với những người sử dụng đất giáp ranh với thửa đất tranh chấp, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư (được thể hiện trong 06 biên bản do cơ quan tài nguyên môi trường huyện phối hợp với UBND xã Tà Ch2 thực hiện) củng cố thêm cho việc UBND Bắc Hà công nhận ông Vàng Văn Ch là chủ sử dụng đối với thửa đất tranh chấp là chính xác và khách quan. Do ông Ch là người sử dụng đất liên tục từ năm 2005, không tranh chấp với ai cho đến khi nhà nước thu hồi, bồi thường đất đai thì mới phát sinh tranh chấp.

Thứ ba: Biên bản xác nhận của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc H1 về việc năm 2005 có cấp phát cây giống cho ông Ch trồng rừng khu vực đất tranh chấp đến nay hiện trường đất tranh chấp vẫn còn một số cây thông do ông Ch trực tiếp trồng.

Thứ tư: Ông H cung cấp một số giấy xác nhận viết tay của một số hộ dân ở địa phương, tuy nhiên tất cả các giấy tờ cung cấp đều mang tính cá nhân không hợp lệ, trái với quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Ngày 01/8/2017 UBND tỉnh Lào C đã tổ chức đối thoại với công dân theo quy định của Luật khiếu nại. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, kết quả thẩm tra xác minh, kết quả đối thoại của công dân, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông H, bà Th: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữ hộ ông H với hộ ông Ch. Việc ông H, bà Th đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Lào C là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vàng Văn Ch và bà Vàng Thị V trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp tại thôn Nậm Ch1, xã Tà Ch2, huyện Bắc H1 (núi 3 mẹ con) là do bố mẹ ông Ch (ông Vàng Văn L2 và bà Nguyễn Thị L3) khai hoang từ năm 1970. Đến ngày 13/7/1997 vợ chồng ông Ch bà V ra ở riêng, được ông L2 và bà L3 làm Giấy tặng cho đất để trồng cây. Ông L2 và bà L3 cho vợ chồng ông Ch bà V phần diện tích đất ở núi 3 mẹ con khoảng 6.000m², phần diện tích đất mà ông H, bà Th tranh chấp chỉ là một phần trong diện tích đất mà ông Ch bà V được tặng cho để sử dụng và canh tác, khoảng hơn 500m². Từ khi được tặng cho đất ông Ch bà V đều canh tác, trồng cây ổn định, không có tranh chấp. Năm 2004 - 2005 theo chương trình của Dự án 661 phát cây giống để trồng thông mã vĩ nên ông Ch bà V đã nhận cây giống và trồng thông mã vĩ. Khi nhận giống cây thông mã vĩ để trồng đều có biên bản và hàng năm Ban quản lý dự án 661 đều thanh toán kinh phí trồng cây. Hiện nay, ông Ch bà V vẫn canh tác trên phần diện tích đất này cụ thể là trồng ngô xen canh với thông.

Nếu ông H, bà Th cho rằng đất đó là của mình thì tại sao không nhận đất từ trước kia khi nhà nước tiến hành kê khai, bồi thường mà đến khi ông Ch bà V nhận

tiền bồi thường xong mới nhận đất của mình. Vì vậy ông Ch bà V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HCST ngày 16/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lào C đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/10/2018, người khởi kiện là ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có quyết định kháng nghị số 20/QĐ-VKS-HC đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính; đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử chấp nhận kháng cáo của ông H và bà Th chấp nhận Quyết định kháng nghị số 20/QĐ-VKS-HC ngày 29/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai là ông Lê Ngọc H2 vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Bắc Hà, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 là ông Nguyễn Trọng H3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị xét xử vắng mặt Chủ tịch UBND

tỉnh Lào C. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1:

[2.1] Về thẩm quyền:

Ngày 24/8/2015, ngày 10/9/2015, ngày 02/10/2015 ông H, bà Th có Đơn đề nghị UBND xã Tà Ch2, huyện Bắc H1 xem xét cụ thể đối với diện tích đất khoảng 1.400m² ở núi ba mẹ con do gia đình khai hoang thuộc diện quy hoạch và đền bù cho gia đình ông H bà Th theo quy định. UBND xã Tà Ch2, huyện Bắc H1 có công văn số 01/CV-UBND v/v trả lời đơn đề nghị của ông H là không có căn cứ. Đồng thời, UBND xã Tà Ch2 đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng không thành.

Ngày 30/10/2015, ông H, bà Th có Đơn đề nghị UBND huyện giải quyết lại sự việc do không đồng ý với văn bản trả lời của UBND xã Tà Ch2. Ngày 24/3/2016, ông Ch có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông H, bà Th.

Căn cứ vào Đơn đề nghị của ông H, bà Th, ông Ch và Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông H và ông Ch số 08/BC-UBND ngày 19/01/2017 của UBND xã Tà Ch2, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 đã ban hành Quyết định số 52a/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về việc thụ lý và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch.

Tranh chấp đất đai giữ hộ ông H với hộ ông Ch phát sinh đối với diện tích đất tại thôn Nậm Ch1, xã Tà Ch2, huyện Bắc H1 (trên núi 3 mẹ con) diện tích đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ và tranh chấp đã được hòa giải tại cơ sở nhưng không thành. Căn cứ vào khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 203, Luật Đất đai 2013 xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thuộc về Chủ tịch UBND huyện Bắc H1. Người khởi kiện ông H, bà Th cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 thụ lý, giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch là không đúng thẩm quyền. Do trong đơn đề nghị ông H bà Th chỉ đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết về việc bồi thường về đất và tài sản trên do nhà nước thu hồi diện tích đất mà ông H bà Th đã canh tác, sử dụng ổn định trong nhiều năm. Ngoài ra, người khởi kiện cho rằng tranh chấp đất đai với ông Ch có liên quan đến tranh chấp tài sản gắn liền với đất nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân. Xét thấy, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông H và hộ ông Ch là đúng thẩm quyền. Bởi lẽ, ngoài căn cứ theo đơn đề nghị của hộ ông H thì hộ ông Ch cũng có đơn đề nghị ngày 24/3/2016 trong đó đề nghị giải quyết tranh chấp đất. Ngoài ra, Quyết định số 52a/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND huyện Bắc H1 về việc thụ lý và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc tranh chấp đất đai chỉ giới hạn giải quyết theo quy định về giải quyết tranh chấp đất đai chứ không giải quyết tranh chấp về tài sản trên đất.

[2.2] Về trình tự, thủ tục:

Sau khi nhận đơn đề nghị của hộ ông H và ông Ch. Ngày 03/01/2017 UBND huyện Bắc H1 có công văn số 03/UBND-VP TH về việc mời họp tham vấn ý kiến của các Sở, ngành để giải quyết đơn.

Ngày 19/01/2017, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 ban hành Quyết định số 52a/QĐ-UBND V/v thụ lý và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ ông H và hộ ông Ch. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bắc H1 đã tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, đo đạc, trích lục bản đồ diện tích đất tranh chấp.

Ngày 23/3/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc H1 có Báo cáo số 26/BC-TNMT về kết quả thẩm tra, xác minh nội dung tranh chấp đất đai giữa hộ ông H và hộ ông Ch.

Ngày 24/3/2017, Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch.

Như vậy, việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch được giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[2.3] Về nội dung:

[2.3.1] Về nguồn gốc đất: Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông H và hộ ông Ch qua xác minh tại thực địa và kết quả đo đạc địa chính thì thửa đất tranh chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 18, tổng diện tích 1.585m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác. Đối với diện tích đất cả 2 bên tranh chấp đều chưa được cấp GCNQSDĐ, không có giấy tờ gì khác chứng minh quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết tranh chấp Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc H1 đã phối hợp với UBND xã Tà Ch2 và UBND thị trấn Bắc H1 làm việc với các hộ sử dụng đất giáp ranh với thửa đất tranh chấp và các cá nhân có uy tín trong tổ dân phố, những người liên quan đến việc tranh chấp. Căn cứ vào các Biên bản làm việc do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc H1 thực hiện xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố đẻ của ông H là ông Vàng Văn L1 khai hoang từ năm 1979 cùng ông Vàng Văn Ph và ông Vàng Văn Ch3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng thấy rằng lời khai thống nhất với các Biên bản làm việc do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bắc Hà thực hiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Ch bà V cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là bố mẹ đẻ của ông Ch là ông Vàng Văn L2 và bà Nguyễn Thị L3 khai hoang từ năm 1970, sau đó tặng cho ông Ch bà V sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay. Tòa án đã yêu cầu ông Ch và bà V cung cấp chứng cứ chứng minh, tuy nhiên ông Ch bà V không cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, xét thấy có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố đẻ của ông Vàng Văn H là ông Vàng Văn L1 khai hoang.

[2.3.2] Về quá trình sử dụng đất:

Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bắc H1 đã làm việc với các hộ gia đình đang sử dụng đất giáp ranh thửa đất tranh chấp, trong đó bà Vàng Thị B (vợ ông Mai Văn Dương) cho biết khoảng từ năm 1996 - 2000 hộ ông H có sử dụng đất và cho người Mông ở xã Thái Giàng Phố mượn để canh tác, đến khoảng năm 2000 - 2002 đến nay thì hộ ông Ch bà V canh tác; ông Vàng Văn Thi cho biết từ năm 2000 đến nay chỉ có hộ ông Ch bà V canh tác sản xuất, không thấy ông H bà Th canh tác gì trên thửa đất tranh chấp. Đại diện người cao tuổi trong thôn là bà Vàng Thị D, ông Vàng Văn Ch3 và một số hộ liên quan ông Vàng Văn N1, ông Vàng A L4 đều chỉ biết đất là do ông Vàng Văn L1 (bố ông H) khai hoang nhưng từ năm 2005 thì không nắm được ai là người canh tác, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp.

Để đảm bảo sự khách quan trong việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng trong đó bà Vàng Thị D, ông Vàng Văn Ch3, ông Vàng Văn N1, ông Vàng A L4 đều có lời khai thống nhất với lời khai khi làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc H1. Ông Vàng Văn H5, ông Vàng Văn M - cùng trú tại: Tổ dân phố Nậm C1, thị trấn Bắc H1 cho biết người sử dụng đất là ông H, bà Th và chưa bao giờ nhìn thấy ông Ch bà V canh tác gì trên đất. Tuy ông Vàng Văn H5, ông Vàng Văn M là người trực tiếp canh tác ở khu vực núi 3 mẹ con nhưng nương ông H5 canh tác cách xa diện tích đất tranh chấp (khoảng 100m - 150m), nên lời khai của ông H5 không đủ căn cứ xác định ông H bà Th là người canh tác, sử dụng đất liên tục, ổn định đến nay. Ông Nguyễn Phi H5 là trưởng thôn Nậm Ch1, xã Tà Ch2 (nơi có đất tranh chấp) từ năm 2014 đến nay cho biết ông H bà Th có đất ở thôn, canh tác sử dụng từ lâu nhưng không biết rõ vị trí đất cụ thể. Bà Lâm Thị D1 canh tác ở giáp nương nhà ông H bà Th, cho rằng diện tích đất tranh chấp là ông Vàng Văn L1 (bố ông H) khai hoang, sau đó giao lại cho ông H bà Th sử dụng nhưng không nhớ chính xác thời điểm. Bà Vàng Thị Kh và bà Vàng Thị Ch4 có quan hệ ruột thịt, họ hàng với ông Vàng Văn H nên lời khai không khách quan nhưng theo bà Kh, bà Ch4 thì từ năm 2002 - 2005 ông H bà Th bận công tác và có con nhỏ nên có cho người khác mượn đất để canh tác hoặc chỉ trồng thông trên đất để giữ nương. Theo đó nhận thấy không xác định được thời điểm ông H bà Th bắt đầu sử dụng đất, ông H bà Th cũng không thường xuyên canh tác, sử dụng diện tích đất tranh chấp và có đủ căn cứ xác định từ năm 2005 đến nay ông Ch bà V là người sử dụng diện tích đất tranh chấp.

[2.3.3] Về việc canh tác, trồng cây trên đất: Cả ông H bà Th và ông Ch bà V đều trình bày từ khi được bố mẹ tặng cho đất thì hai bên sử dụng đất để trồng ngô, đến khoảng năm 2005 thì trồng thông mã vĩ có xen canh trồng ngô. Ông H bà Th cho rằng từ năm 2005 ông bà trồng thông là do tự trồng, giống cây thông được người khác cho và mua lại của người khác. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng mà ông H bà Th khai là người cho và bán giống cây thông. Theo

bà Nguyễn Thị L5 - trú tại: Thôn Na K, xã Tà Ch2, huyện Bắc H1 thì bà tự gieo giống cây thông sau đó mang ra chợ để bán và có cho bà Th nhưng việc bà Th sau khi mua giống cây thông trồng ở đâu thì bà L5 không biết. Bà Th khai được ông Trịnh Xuân H5 - trú tại tổ dân phố Na Quang 4, thị trấn Bắc H1 cho giống cây thông để trồng. Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông H5 thì lời khai mâu thuẫn với lời khai của bà Th, cụ thể ông H5 cho biết không có việc cho bà Th giống cây thông mà ông H5 nhờ ông H bà Th trồng hộ thông trên nương của nhà ông H5 ở thôn Na C, thị trấn Bắc H1.

Ông Ch bà V cũng khẳng định việc trồng cây thông mã vĩ trên diện tích đất tranh chấp và việc trồng thông là theo chương trình của Dự án 661 phát giống cây cho người dân để trồng. Lời khai của ông Ch bà V phù hợp với chứng cứ mà ông bà cung cấp cho Tòa án, cụ thể là Biên bản làm việc ngày 21/12/2004 giữa ông Vàng Văn N1 - Trưởng thôn Nậm C1 II, bà Giàng Thị Lao - Chi hội phụ nữ với hộ ông Ch về việc giao trồng rừng dự án 661 cảnh quan du lịch và Sở Đầu tư xây dựng rừng của Ban quản lý dự án 661 về việc thanh toán kinh phí trồng rừng năm 2006 - 2007.

Ngoài ra, theo lời khai của những người làm chứng mà Tòa án đã lấy lời khai (ông Vàng Văn M, bà Lâm Thị D1, bà Vàng Thị Ch4 là những người trực tiếp canh tác trên khu vực núi ba mẹ con) đều trình bày về việc khoảng năm 2005 thì nhà nước có chủ trương trồng cây cảnh, cây thông mã vĩ trên núi ba mẹ con. Như vậy có thể thấy việc trồng rừng trên núi 3 mẹ con trong khoảng thời gian 2005 là theo chủ trương của nhà nước, nhà nước cấp giống cây thông cho các hộ dân có đất canh tác trồng. Trong khi các hộ cùng canh tác trên khu vực núi 3 mẹ con đều thực hiện trồng thông theo chủ trương của nhà nước thì việc ông H bà Th tự mua giống cây thông về trồng là không hợp lý.

[2.3.4] Về thông tin hồ sơ địa chính của thửa đất tranh chấp: Trước năm 2010 thửa đất tranh chấp chưa được đo đạc địa chính, không có sơ đồ, biên bản giao đất hay tài liệu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 2011 bản đồ địa chính thể hiện hiện trạng sử dụng đất từ tờ bản đồ số 17 đến 28 được treo công khai tại nhà ông trưởng thôn Nậm Ch1, trong đó có thửa số 54, tờ bản đồ số 18 là thửa đất đang tranh chấp giữa ông H bà Th với ông Ch bà V. Ngày 10/9/2012, tổ trưởng tổ đo đạc địa chính đã tiến hành giao diện diện tích theo hiện trạng sử dụng đất cho chủ sử dụng đất ông Vàng Văn Ch đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ 18, diện tích 1.527,5m².

Từ những phân tích trên thấy rằng có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông Vàng Văn L1 (bố của ông H) khai hoang. Tuy nhiên ông H bà Th không canh tác, sử dụng ổn định trên diện tích đất này mà ông Ch bà V là người sử dụng ổn định từ năm 2005 đến nay, hộ ông Ch cũng có tên trong hồ sơ địa chính xác lập từ năm 2011. Vì vậy có đủ căn cứ xác định hộ ông Vàng Văn Ch, bà Vàng Thị V là người sử dụng đất ổn định đối với thửa đất tranh chấp theo

quy định tại khoản 1, điểm i khoản 2, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013. Người đại diện của người khởi kiện cho rằng ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp tại thửa số 54, tờ bản đồ số 18 căn cứ vào quy định tại Điều 247 Bộ luật Dân sự 2005, các Điều 228, 236, 163, 164, 166, 237, 238, 239, 240, 241, 243, 244 Bộ luật Dân sự 2015. Xét thấy các quy định của Bộ luật Dân sự mà người khởi kiện căn cứ là quy định về việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu đối với bất động sản. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai 2013: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”*. Như vậy đối với đất đai thì người dân chỉ có quyền sử dụng đất nên không thể áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về xác lập, chấm dứt quyền sở hữu đối với bất động sản để làm căn cứ cho rằng ông H bà Th có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp.

Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng ông H, bà Th có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp, chưa có cơ quan nhà nước ra quyết định thu hồi, bồi thường nên không thể thực hiện giao đất hoặc bồi thường đất của gia đình ông H bà Th cho người khác: Xét thấy, chỉ có căn cứ xác định ông Vàng Văn L1 là bố đẻ của ông H là người khai hoang diện tích đất tranh chấp, không có căn cứ xác định thời điểm ông H bà Th bắt đầu sử dụng đất, quá trình sử dụng đất có ổn định hay không, không có xác nhận của chính quyền địa phương là UBND xã Tà Ch2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì ông H, bà Th không có đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất đang tranh chấp. Vì vậy không có căn cứ để ra quyết định thu hồi đất đối với hộ ông H bà Th. Ngoài ra, hộ ông Vàng Văn Ch sử dụng đất theo tập tục du canh du cư của địa phương, canh tác trên diện tích đất trống. UBND huyện Bắc H1 chưa giao đất hay cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Ch, mà chỉ xác định hộ ông Ch có đủ điều kiện cấp và công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ch.

Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch căn cứ vào quy định của Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Ch đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.585,0m² là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào C về việc giải quyết khiếu nại của ông H và bà Th:

[3.1] Về thẩm quyền:

Ngày 20/4/2017, ông H và bà Th đã có Đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Lào C, khiếu nại đối với Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H

với hộ ông Ch. Ngày 25/4/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Lào C ra Thông báo số 28/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại của ông H.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013: *“Trường hợp tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết; nếu không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính”*. Như vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh Lào C thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông H và bà Th đối với Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch là đúng thẩm quyền.

[3.2] Về trình tự, thủ tục:

Ngày 25/4/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Lào C đã có Thông báo số 28/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông H, đồng thời ban hành Quyết định số 1379/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào C. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào C đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại vào có Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 250/BC-STNMT ngày 29/10/2017.

Ngày 24/7/2017, UBND tỉnh Lào C có công văn số 406/VPUBND-TCD về việc mời tham gia đối thoại giải quyết khiếu nại. Ngày 01/8/2017, UBND tỉnh Lào C đã tiến hành đối thoại, tham gia đối thoại gồm có người khiếu nại ông H bà Th; người bị khiếu nại và đại diện các cơ quan liên quan.

Xét thấy, Chủ tịch UBND tỉnh Lào C đã thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông H, bà Th theo đúng quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại.

[3.3] Về nội dung:

Chủ tịch UBND tỉnh Lào C đã căn cứ vào đơn khiếu nại của ông H, bà Th, kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào C và kết quả đối thoại và ban hành Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 giải quyết khiếu nại của ông H và bà Th. Như trên đã phân tích thì việc Chủ tịch UBND huyện Bắc Hà ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp, nội dung của quyết định có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Như vậy, Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào C giải quyết khiếu nại của ông H bà Th quyết định: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H với hộ ông Ch là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông H bà Th đề nghị Tòa án hủy

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà về việc thu hồi đất sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội lợi ích quốc gia, công cộng để thực hiện công trình: Đường du lịch Hoàng Thu Phố - Nhiêu San - Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Hạng mục: Đường leo núi 3 mẹ con:

Người khởi kiện ông H, bà Th cho rằng ông bà có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp thửa số 54, tờ bản đồ 18 tại thôn Nậm Ch1, xã Tả Ch2, huyện Bắc Hà. Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà đã thu hồi một phần đất (diện tích 582,0m²) nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ 18 nhưng đối tượng thu hồi trong Quyết định này lại là ông Ch, bà V. Như trên đã phân tích thì có đủ căn cứ xác định ông Ch bà V là người sử dụng đất ổn định đối với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 18 tại thôn Nậm Ch1, xã Tả Ch2, huyện Bắc Hà. Vì vậy, UBND huyện Bắc Hà ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 thu hồi đất trong đó có phần đất thuộc thửa số 54, tờ bản đồ 18 đối với người sử dụng đất hộ ông Ch là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện Buộc UBND huyện Bắc Hà phải thực hiện hành vi hành chính kê khai, giải phóng mặt bằng ra Quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 đối phần đất của ông H bà Th theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2015, UBND huyện Bắc Hà ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Đường du lịch Hoàng Thu Phố - Nhiêu San - Tả Van Chư, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Hạng mục: Đường leo núi 3 mẹ con. Theo biểu tổng hợp kèm theo Quyết định hộ ông Ch được chi trả bồi thường số tiền 174.070.000đồng, trong đó giá trị đất 37.903.000 đồng (diện tích đất bị thu hồi 2.121,0m²), giá trị cây cối hòa màu 8.058.300 đồng, tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 113.709.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 14.400.000 đồng. Ngày 25/3/2015, UBND huyện Bắc Hà có biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hòa màu đối với hộ ông Ch. Ngày 10/8/2015, ông Ch đã nhận đủ số tiền bồi thường theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND huyện Bắc Hà. Ngày 24/8/2015, ông H và bà Th có đơn đề nghị UBND thị trấn Bắc Hà, UBND xã Tả Ch2 xem xét diện tích đất của gia đình ông bà thuộc diện quy định và giải quyết cho gia đình ông bà nhận đền bù. Từ thời điểm có đơn đề nghị ngày 24/8/2015 ông H bà Th đã biết về hành vi của UBND huyện Bắc Hà không kê khai, giải phóng mặt bằng, ra Quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ. Như vậy yêu cầu khởi kiện này của ông H bà Th đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Ngoài ra, Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Bắc H1 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H và hộ ông Ch, trong đó công nhận quyền sử dụng đất ổn định của hộ ông Ch là có căn cứ. Việc UBND huyện Bắc H1 ban hành quyết định thu hồi, hỗ trợ bồi thường đối với hộ ông Ch là có căn cứ. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H bà Th về việc buộc UBND huyện Bắc H1 thực hiện hành vi hành chính kê khai, giải phóng mặt bằng, ra Quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất liên quan đến phần đất của ông H bà Th là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và xét xử như vậy là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Vàng Văn H và bà Nguyễn Thị Th; không có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị số 20/QĐ-VKS-HC ngày 29/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th và Quyết định kháng nghị số 20/QĐ-VKS-HC ngày 29/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HCST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Vàng Văn H, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí (do ông Bùi Xuân D nộp thay) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0000336 ngày 06/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hưng Nguyễn Văn Cường

Ngô Tự Học

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THA dân sự tỉnh Lào Cai ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tự Học